

Phát Diệm Cự Sáu Trần Lục

CUỘC ĐỜI HY SINH ĐỔ MÁU ĐÀO của Cự Sáu Trần Lục (1825-1899)

Cha Phêrô Trần Lục sinh ra và lớn lên ngay trong thời bách đạo. Đi tu, làm linh mục trong chạy trốn với những điều kiện vô cùng khó khăn giữa lúc Giáo Hội VN đang bị bách hại ác liệt. Chính ngài bị bắt, nhốt tù, hành hạ đánh đập tàn nhẫn từ 1858 đến 1862. Cha được chịu chức linh mục chui khi còn bị giam ở Lạng Sơn, năm 1860. Phúc Tử Đạo gần kề đến với ngài. Lệnh cấm đạo được bãi bỏ làm cha mất phúc tử đạo. Ra khỏi tù ngục, cha vẫn còn bị theo dõi cản trở mục vụ. Tuy không được diễm phúc tử đạo. Nhưng cả đời ngài như cuộc tử đạo. Chúa quan phòng để cha tiếp tục sống nơi trần gian, giá trị hơn cái đầu cha rơi trong chốc lát. Nếu đầu rơi, chỉ mình cha Trần Lục được vinh quang. Đời linh mục Trần Lục sau này mới đáng giá sự nghiệp vĩ đại, lợi ích cho nhiều người và vinh danh cho Giáo Hội qua bao thế hệ. Một mình cha lãnh trách nhiệm truyền giáo ba tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn và Thái Nguyên. Phát Diệm là nơi ngài thi thố tài năng và để lại nhiều công sức lưu truyền hậu thế.

Với niềm tri ân sâu xa và ngưỡng mộ công đức một linh mục có một không hai của Giáo Hội VN. Xin được phép đặt cuộc đời cha Trần Lục lồng vào khung cảnh thời cấm đạo. Cùng soi chung mức kiên cường, gương can đảm hy sinh anh dũng vì đức tin của ngài.

Những giọt máu đào quý hóa, kính phục và mong đợi nơi con cháu bước theo. Trước ngôi mộ cự Sáu, giữa nhà thờ chính tòa Phát Diệm và phương đình, xin thắp nén hương xin cho Phát Diệm sống đẹp như cha dặn trong các ca vè, vắn thơ cha để lại.

THẨM CẢNH CẤM ĐẠO VÀ THỜI THƠ ẤU

Cự Sáu Trần Lục sinh năm Ất Dậu 1825, làng Mỹ Quan, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thuộc xứ Kẻ Dừa, giáo phận

Thanh Hóa, năm thứ năm triều đại Minh Mạng (1820-1841). Thanh Hóa nơi sớm được gieo rắc Tin Mừng. Năm 1591, thời vua Lê Thế Tông, sau khi được rửa tội, công Chúa Mai Hoa (bà Chúa Chè) thành lập Dòng Đức Mẹ Vô Nhiễm tại Phước Lập, cạnh sông Chu. Đây là tu viện đầu tiên tại VN. Ngày 19.3.1627, lễ Thánh Giuse, cha Đắc Lộ đặt chân lên cửa Bạng. Máu tử đạo bắt đầu chảy từ phôi thai đến Trần Lục.

Minh Mạng (1825-1840) là người thù ghét đạo Gia Tô nhất, áp dụng những biện pháp dã man tàn bạo đối với người công giáo. Chính năm 1825, Trần Lục sinh ra, là năm Minh Mạng ra sắc lệnh cấm đạo đầu tiên của Triều Nguyễn, 12.2.1835. Phải chăng có sự báo hiệu cho bé Trần Lục muốn được vinh quang phải qua con đường khổ giá hy sinh. Liên tiếp vào những năm 1825, 1826, 1833, 1836, 1839 và 1840, Minh Mạng ra những sắc lệnh hoặc mật thư tìm đủ mọi cách triệt hạ công giáo. Từng bước, các biện pháp được áp dụng từ tập trung, kiểm soát đến bắt bớ, giam cầm, tù đày, bỏ đói, hành hạ đánh đập và giết chết. Lúc đầu sắc lệnh (1825) khám sét cẩn thận tàu, thuyền bè để linh mục tây phương khỏi xâm nhập trà trộn với dân chúng. Lục soát thật kỹ các làng xã, bắt đạo trưởng âu châu. Cấm giáo dân tụ họp cầu nguyện. Đến 1826, bắt tập trung các thừa sai vào triều đình. Năm 1833, tất cả giáo dân phải đạp qua Thánh Giá. Nhà thờ, nhà xứ bị tịch thu, không thì dỡ bỏ. Các thừa sai sống chui rúc dưới hầm. Gắt gao hơn vào năm 1836, đánh đập không thương tiếc khi bắt được bất cứ ai và xử tử các thừa sai. Đầu làng đặt Thánh Giá để mọi người đạp qua. Hai năm cuối 1839 và 1840, lệnh truy bắt những ai “ngày là lương dân là đạo” đều bị phạt, còn sót ai chưa bỏ đạo bắt phải đạp Thánh Giá.

Dưới bàn tay bạo tàn của Minh Mạng, có 58 thánh tử đạo hy sinh vì đức tin. Phát Diệm có Thánh Micae Nguyễn Huy Mỹ (1808-1838), LM Phaolô Phạm Khắc Khoan (1771-1840), Thày giảng Gioan Baotixita Đinh Văn Thanh (1796-1840), Thày giảng Phêrô Nguyễn Văn Hiếu (1777-1840), Thày giảng Phêrô Nguyễn Khắc Tự (1808-1840)

Tình hình căng thẳng bắt bớ người có đạo ảnh hưởng rất

nhieu đến gia đình và tuổi thơ Trần Lục. Phêrô Hữu sinh ra trong gia đình nghèo và đạo hạnh. Ông thân sinh tên Trần Văn Nhu, quê Thanh Hóa, vừa làm ruộng vừa đánh cá sông. Thân mẫu người Ninh Bình. Hai ông bà về lập nghiệp ở Mỹ Quan. Hữu là con thứ hai trong gia đình 7 anh em: 5 trai, 2 gái. Anh cả mấy sớm tên Khanh. Em khác là Gioan Pháp bị nhốt chung với cụ Sáu tại Lạng Sơn, chết rũ tù, tử đạo. Em út tên Nguyên làm phó tổng. Hữu là con lớn trong nhà, nên cùng mẹ cáng đáng mọi việc trong nhà, ít có giờ học hành. Thấy gia đình người chị nghèo, các cháu nheo nhóc, nên bà Di nhận luân phiên về Quảng Công, Bạch Bát, Nho Quan Ninh Bình, nuôi ăn học.

Năm 1836, Phêrô Hữu lên 11 tuổi, đang học được tin ông thân sinh bị bệnh, bỏ học về Thanh Hóa phụ giúp mẹ chăm sóc các em nuôi sống gia đình. Càng lớn, Phêrô Hữu càng hiểu biết và lựa chọn cho mình hướng đi mới. Năm Phêrô Hữu 15 tuổi có ý định sống ẩn tu (1840). Cha Tiểu chính xứ Bạch Bát thấy Hữu lanh lợi, thông minh và đạo hạnh, thừa với ông bà thân sinh và đưa Hữu vào trường nhà xứ, chuẩn bị vào chủng viện Vĩnh Trị. Tại nhà xứ Bạch Lâm, Hữu chăm chỉ, học mau, thông hiểu khá về Latinh.

ĐỜI SỐNG TU TRÌ và CHUI TRÓN

Ngay từ giai đoạn đi tu, Cụ Sáu đã gặp khó khăn phải chạy trốn.

Thiệu Trị (1841-1847) lên kế vị vẫn áp dụng triệt để các sắc lệnh vua cha, truy lùng, bắt bớ giáo dân và giáo sỹ. Kế hoạch và biện pháp ngày một tinh vi hơn, khép chặt, giới hạn, làm tê liệt mọi sinh hoạt của giáo sỹ lẫn giáo dân. Năm 1874, lệnh ra chém đầu tại chỗ không cần xét xử, nếu bắt được đạo trưởng Âu Châu.

Tự Đức (1848-1883) vẫn mực tàn ác và khát máu như hai vua trước. Năm 1847 và 1848, lệnh mới chỉ thị buông sông các linh mục ngoại quốc. Các linh mục và giáo dân VN phải thích chữ “tả đạo” bên má. Triệt để cấm giáo dân lai vãng đến khuôn viên nhà thờ. Năm 1851, chém ngang hông các giáo sỹ VN. Ai chứa chấp cũng bị chém ngang hông. Riêng trẻ bị lưu

đầy. Lệnh 1854 áp dụng bắt các quan phải bỏ đạo trong ba tháng, binh lính trong 6 tháng. Bêu đầu 3 ngày các linh mục ngoại quốc. Xử chém các linh mục VN, thích chữ, lưu đầy các thầy giảng, tịch thu các nhà thờ, nhà xứ và kho lẫm. Tiến thêm bước nữa với lệnh 1857, xử tử các thầy giảng. Đập phá các vách tường ghép đôi. Gia hạn trong một năm tất cả phải tuân phục và thờ thần làng. Ai không tuân bị thích chữ và đàn ông phải đi lính, đàn bà bắt làm “con ở” cho nhà quan. Năm 1859, theo dõi bắt các kỳ mục và phụ nữ đem tin tức. Quan và binh lính không bỏ đạo bắt giáng chức. Theo sát các nữ tu, giải tán và đóng cửa nhà dòng. Khủng khiếp nhất là sắc chỉ 1860, trao những người lừng khùng cho làng lương kiểm kê vắng mặt, cứ 15 ngày một lần, không ai được ra khỏi làng. Cuối năm, phân loại làm 3 hạng người công giáo và triệt để “phân sáp” toàn diện. Đàn ông, đàn bà, trẻ em chuyển và phân tán sống riêng từng nơi khác nhau. Mỗi người được thích “tả đạo” bên má phải, má trái tên tỉnh bị lưu đầy.

Kết quả rất thảm khốc. Dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức có 44 thánh tử đạo được Giáo Hội tuyên thánh. Trong đó có Thánh Anê Lê Thị Thành (1781-1840)

Cánh đồng truyền giáo lênh láng máu đào, hun đúc đức tin để Phêrô Hữu dấn thân phục vụ cho Thiên Chúa. Năm 1845, Phêrô Hữu 20 tuổi, nhập chủng viện Vĩnh Trị, Nam Định, xa Ninh Bình khoảng 8 cs. Ngày nhập học, Hữu đầu đội mũ sơn, vai khoác khăn gói đựng vài quần áo vải nâu với 1,8 quan tiền kềm. Còn gì vui sướng, Hữu hân hoan lên đường. Chủng viện lúc ấy có khoảng 50 chủng sinh. Hữu được nhảy lớp, học lớp tư ngay, thay vì bắt đầu từ lớp sáu. Chu kỳ học là 6 năm. Hữu đổi tên là Triêm. Phêrô Triêm học rất xuất sắc và cuối năm thường được xếp nhất lớp về hạnh kiểm và học lực. Kết quả tốt khiến Triêm phấn chấn hăng say.

Làng Vĩnh Trị là trụ sở của địa phận Trong Đàng Ngoài, có tòa giám mục, đại và tiểu chủng viện. Tcv Vĩnh Trị do Đc Louis Nééz (Luy) sáng lập, 1719, và là giám đốc tiên khởi. Ngài thuộc hội Thừa Sai Paris (MEP) sinh 1680 tại Pháp, qua Bắc Kỳ 1715. Giám Mục Tây Đàng Ngoài, 1738, qua đời tại Trại Nhơ, Hà Nam, 19.10.1764. Giám đốc kế tiếp là Đc

Bertrand Reydelelet (Bê), MEP, Giám Mục Tây Đàng Ngoài từ 1764, qua đời tại Kẻ Vinh, Nam Định, 18.7.1780, Đc là người lập ra tòa giám mục và Đcv.

Tình hình cấm đạo ngày càng gay gắt. Đcv chuyển về Kẻ Non. Tcv phân tán, để lại Vĩnh Trị một số, số khác chuyển qua Hoàng Nguyên, Long Soãn, Ban Phết và Kẻ Báng. Phêrô Triêm trong số chuyển qua Hoàng Nguyên. Cứ một cha hay thầy giảng trông coi 10 đến 12 chủng sinh. Thầy trò, cha con khăn khít dùi mài kinh sử và tu luyện. Triêm được coi là gương mẫu đạo đức và xử thế với bề trên và anh em bạn học cùng trường. Triêm còn giỏi cả về võ. Thường ngày, Triêm ăn mặc đơn sơ, gánh nước, làm bếp, vườn, ruộng. Quần áo gia đình cho, Triêm chia cho bạn khác. Chiếc dây lưng hằng ngày bằng gai, Triêm còn dùng đến ra khỏi Lạng Sơn. Trong trường Triêm được đặt làm trưởng lớp, không chỉ huy mà làm việc chung với anh em. Bên ngoài chủng viện, cuộc tàn sát bắt bớ diễn ra khắp nơi, ảnh hưởng đến học tập. Có khi đang học, được báo động, thầy trò mạnh ai tìm đường chạy thoát thân. Yên, lại kéo nhau về với những tin sốt dẻo về nơi này nơi khác, hoặc có thêm vị tử đạo. Khó khăn mấy vẫn chịu đựng. Triêm phấn khởi nôn nóng ước mong có dịp hy sinh như bao người. Chính vì trời vượt trong trường, mà quan quân bên ngoài biết tên Triêm. Họ theo dõi và cố tìm mỗi khi khám xét. Nhưng ngày giờ chưa đến.

Con đường tiến đức của chủng sinh Triêm mau lẹ nhờ hào khí sắt đá của dân chúa khô không lay chuyển trước cuộc cấm cách. Mới 25 tuổi, 1850, Phêrô Hữu mãn Tcv Hoàng Nguyên. Thay vì đi thử 1 năm, vì quá xuất sắc, thầy Triêm được tuyên khấn là Thầy Giảng luôn và được cử làm giáo sư Trường Nhỏ (Tcv) tại Vĩnh Trị. Giáo sư rất trẻ, đem tinh thần phục vụ, gialon dục và hướng dẫn lớp đàn em. Thầy Triêm làm giáo sư thời Đức cha Pierre André Retord (Liêu), MEP, giám mục Đông Đàng Ngoài từ 1831, qua đời tại Đông Bầu, 22.10.1858. Thầy Triêm dạy học và được hướng dẫn bởi hai vị nổi tiếng là Thánh Phaolô Lê Bảo Tịnh (từ 1849 -1852) và Thánh Phêrô Phanxico Néron Bắc. Chủng viện Vĩnh Trị nổi tiếng và thường được nhắc tới : “Thứ nhất Thiên Đàng, thứ

nhì Tràng Vĩnh”. Cha Tịnh và Thầy Triêm dựng “Đường Thánh Giá” trong khuôn viên chủng viện để vừa đi bộ vừa suy gẫm. Thầy Triêm hay tháp tùng cha Tịnh qua làm cho nhà Dòng tại Kẻ Nguồn. Thời gian ở chủng viện, thầy Triêm dự nhiều đám táng các vị tử đạo tại nhà nguyện chủng viện, như Thánh Augustono Schoeffler Đông (MEP, 1822-1851), thánh Gioan Louis Bonnard Hưởng (MEP, 1824-1852)

Tinh thần thẳng tiến không ngừng, chí khí dâng cao. Năm 1855, thầy Triêm theo học Triết và thần học tại Trường Lớn (Đcv) Kẻ Non. Nói là chủng viện, nhưng chỉ là nhà tranh. Đc Charles Hurbert Jeantet (Khiêm) làm giám đốc. Đc qua Bắc Việt 1819, làm giám mục Tây Đàng Ngoài từ 1847 và qua đời tại Hoàng Nguyên, 21.1. 1866. Năm thầy Triêm lãnh chức Tư, ông thân sinh mất, thầy về Mỹ Quan thọ tang cha và yên ủi mẹ già. Sau đại tang có tin vui cùng năm em thầy Triêm là Gioan Pháp nhập Tcv Vĩnh Trị. Niềm vui khôn tả, thầy tiếp tục phấn đấu theo lý tưởng và trung thành với mục tiêu là quyết hy sinh đổ máu.

Năm 1856, lợi dụng tình hình cấm đạo êm dịu, Đc Khiêm và cha Thánh Ven tổ chức tĩnh tâm cho các linh mục và đại chủng sinh trong đó có thầy Triêm. Một dịp hâm nóng tinh thần đạo đức sẵn sàng hy sinh vì danh Chúa Kitô. Ngày 2.2.1857, Phát Diệm tổ chức đại phúc. Quan quân đem quân kéo đến vây hãm Phát Diệm. Cha Kỳ, chính xứ và cha Hảo kịp thoát về Vĩnh Trị. Ngày 27.2.1857, làng Vĩnh Trị bao vây. Cha thánh Lê Bảo Tịnh bị bắt do quan phủ Nghĩa Hưng cầm đầu. Cha được tử đạo, 6.4.1857, tại Bảy Mẫu.

Biến cố khác làm an ủi và thúc đẩy Cụ Sáu theo con đường đã chọn. Ngày 16.1.1858, chủng sinh Phaolô Bọt, 18 tuổi và Gioan Pháp 14 tuổi, em ruột Cụ Sáu và hai chủng sinh Kẻ Bảng khác cùng 14 giáo dân bị bắt. Ra tòa, Gioan không chịu để lính khênh qua Thánh Giá. Phaolô Bọt và hai bạn khác để lính khiêng qua. Pháp bị đày lên Lạng Sơn. Phaolô Bọt hồi hận đến La Mát tìm gặp ngay Cụ Sáu. Nhờ Cụ và mẹ an ủi, nâng đỡ và khuyến khích Bọt trở lại Nam Định xưng đạo và được diễm phúc tử đạo. Thi hài Phaolô Bọt còn chôn cất dưới tháp chuông Tcv Phúc Nhạc, Phát Diệm (năm 1999, thấy ngôi

mộ Phaolô được bóc rở và nhà nguyện Tcv tan nát, ngôi nhà cao tầng, nhà cầu, núi đá Lộ Đức... tan hoang. Chỉ còn hai cây muỗm, mưa nắng dãi dầu). Năm tháng sau, ngày 15.6.1858, quan quân Nam Định bao vây và đốt phá bình địa Đcv Kẻ Non. Đc Khiêm cùng một số Đcs và giáo dân lần trốn vào rừng.

Nhận thấy thầy Triêm có tài, khôn ngoan, đạo đức, can đảm, ngày 12.7.1858, Đc Khiêm truyền chức Năm và Sáu cho thầy Triêm, sớm hơn. Từ đây, thường gọi thầy là Cụ Sáu (Père Six). Cũng từ đây Cụ Sáu luôn sát cánh với Đức Cha ẩn trốn và làm việc tại La Mát, tả ngạn sông Đáy, Đối Diện với Kẻ Sở, Hà Nội.

CON ĐƯỜNG TỬ ĐẠO

Hàng ngày gương can đảm ngã gục vì Chúa và cho Giáo Hội thôi thúc Cụ Sáu không chần chờ, xả thân để bênh vực và tuyên xưng đức tin. Sáng sớm 13.7.1858, làng La Mát bị xiết vòng vây. Tình hình nguy ngập. La Mát, một mặt là sông, một mặt là núi. Cụ Sáu bày mưu để Đc Khiêm thoát khỏi trong trường hợp ‘đường tơ kẽ tóc’. Cụ giả dạng mặc áo giám mục, ngực đeo Thánh Giá, ra ngay phía sông nơi quan quân đóng, tuyên bố : Tôi là đạo trưởng. Nghe vậy, quân lính vội tóm lấy Cụ, vỗ tay reo hò tưởng là bắt được Đức Cha thật. Quân lính phía núi cũng đổ xô về phía sông. Thừa cơ, được bố trí sẵn, giáo dân đem Đức Cha trốn về phía núi, an toàn. Cụ Sáu bị trói, đeo gông. Quan biết mình bị lừa càng hăn học tức giận và đánh đập Cụ thỏa chí. Cụ bị nhốt và không cho ăn, dưới lòng thuyền và giải liền về Phủ Lý. May, tới đến, lúc thuyền ghé bến nghỉ, có một bà thương tình cho bát cơm mắm tép, dằn bụng đỡ lòng.

Cụ Sáu tạm giam ở Hà Nội để tra khảo. Ra tòa, thấy Cụ đối đáp lanh lợi, các quan không hy vọng thuyết phục được, nên ra lệnh đánh đòn. Căng người ra trên mặt đất và đánh bằng roi 7 phân, đau mấy Cụ cũng không kêu ca. Bị đánh đau đến nỗi Cụ không bò được quân lính phải khiêng Cụ về ngục. Nhiều lần khác Cụ bị đánh roi chùy, đau nhất lầy kim kẹp như thịt sống, giựt ra, máu chảy lai láng. Cụ vẫn vui vẻ tươi cười và cương quyết không quá khóa. Cụ càng giảng thuyết

cho vua quan về Thiên Chúa và đâu là đạo thật. Các quan bề ngoài dương oai nhưng bên trong vẫn kính phục và tìm cách dụ dỗ : chỉ cần nhắm mắt bước qua Thánh Giá, sẽ báo cáo lên vua và cho làm quan ngay. Các quan dùng lời phỉnh lịnh vẽ hình chữ Thập trên mặt đất để Cụ bước qua. Cụ Sáu kháng khái cự tuyệt và cho rằng chữ Thập cũng tượng trưng hình ảnh Chúa Giêsu trên Thập Giá. Bị tra khảo và đánh đập tàn nhẫn nhiều lần Cụ vẫn không sờn lòng, hy sinh chịu đựng, không kêu ca, oán trách. Án ra, Cụ Sáu bị đày lên Lạng Sơn, khí hậu ác liệt, rừng sâu nước độc. Rừng lam chướng khí.

Trại Lạng Sơn có sẵn cả trăm giáo dân bị phát lưu từ trước. Cụ đến mọi người vui mừng và vững tin. Bắt tay vào việc ngay, an ủi, nâng đỡ con chiên bôn đạo, giải tội, làm các phép bí tích. Cụ chinh phục được nhiều viên quan ngỗ nghịch, sắc lảo, hung hăng, sống thuận phục ôn hòa, ít hành hạ giáo dân trong trại. Đời sống đạo đức và khôn ngoan của Cụ làm nhiều binh lính cảm phục và xin trở lại đạo. Một ơn đặc biệt tại Lạng Sơn là Cụ Sáu được gặp lại em Gioan Pháp đang kiệt sức sau nhiều trận đòn như tử. Cụ được diễm phúc chứng kiến cái chết của anh dung hy sinh của em. Cụ yên tâm có em cầm canh thiên tuế trên Trời phù hộ mình. Trại Lạng Sơn được coi như xứ đạo. Nhờ Ngài, các tù nhân được chăm sóc hồn xác chu đáo. Các quan lại trọng vọng đề nghị Ngài dạy học cho con quan. Nhờ đó, Cụ dễ dàng đi lại thông dong dễ dàng.

Ngày mong đợi từ lâu và cũng là ngày hạnh phúc cả đã đến. Cuối 1859, Cụ nhận được thư mật và 3 nén bạc của Đức Cha dạy tìm về Kẻ Trù chịu chức Linh Mục. Còn gì sung sướng bằng. Sau 2 ngày đi ngựa Cụ về Kẻ Trù và được thụ phong linh mục do Đc Khiêm, giữa tháng 1. 1860. Tân linh mục trở về ngay Lạng Sơn với trọng trách coi sóc 3 tỉnh Lạng Sơn, Tuyên Quang và Thái Nguyên. Ngày đêm lén lút, miệt mài sứ vụ tông đồ. Cha sống chết với và vì chiên lạc, dù xa xôi mấy cũng tìm bằng được. Toàn 3 tỉnh phía bắc như phục sinh và sống kiên cường mạch sống đạo đức cộng đoàn vươn cao.

CON ĐƯỜNG KHÁC CHÚA DÀNH CHO

Vết thương và những lần roi qua các trận đòn chí tử năm xưa đã khô này, da thịt tạm lành, dòng máu trong người chảy đều. Cha Sáu trở lên tráng kiện sau cơn bệnh thập tử nhất sinh, nhờ “ơn lạ” của Đức Mẹ. Cha đủ sức dẻo dai gánh vác nhiệm vụ quan trọng hơn mà Thiên Chúa dành cho thay vì tử đạo.

Cũng Tự Đức. Theo hòa ước Nhâm Tuất, 5.61862, có khoản được tự do tôn giáo. Nhưng Tự Đức vẫn ngoan cố duy trì bách hại đạo. Năm 1869, vua ra chỉ dụ cho phép người công giáo sinh sống thành làng, tự do hành đạo và cử hành phụng tự. Việc thi hành, nơi có nơi không, hoặc tùy tiện

Văn Thân (1862-1885) cầm đầu lớp sỹ phu vì quyền lợi bị đụng chạm, xách động quần chúng bài đạo với sự tiếp tay hay làm ngơ của chính quyền địa phương. Gây chia rẽ trầm trọng giữa lương và giáo.

Theo sắc lệnh trên, Cụ Sáu và giáo dân trong trại Lạng Sơn được tha. Cha con chia tay trong nước mắt. Từ nay đoàn chiên lưu lạc biết trông nương ai. Cha hết sức buồn rầu vì mình mất phúc tử đạo. Trở về Kẻ Non và Vĩnh Trị gặp lại bạn bè, thầy dạy, xem ai còn ai mất. Sau đó, cha Sáu nhận nhiệm vụ mới với 3 xứ Thanh Hóa, Mỹ Điện và Kẻ Dừa quê cũ. Tại Thanh Hóa, cha vẫn vẫn bị ghen ghét và xuýt bị bắt lại mấy lần. Chân ướt chân ráo chưa được ba năm, công việc mới bắt đầu. Cha Sáu được lệnh nhận chính xứ Phát Diệm, năm 1865. Giai đoạn mới hứa hẹn nhiều hứng thú và xây dựng.

Về Phát Diệm, công việc đầu tiên là làm cho dân an cư lạc nghiệp và giữ đạo. Hồ hào dân chún lương-giáo đào cống rãnh, nương, rạch, sông, đắp đường, đê, phân chia đường thủy-bộ, cho dễ lưu thông qua lại. Kêu gọi toàn dân khai khẩn ruộng hoang, cấy lúa, trồng đay, dệt chiếu, chăm sóc hoa màu.

Ổn định được mặt dân sinh, Cha Trần Lục nghĩ ngay đến việc xây dựng khu thánh đường như đã hứa với Đức Mẹ khi Cha được khỏi bệnh cách lạ lùng (1861). Nhờ sức thiêng, Phát Diệm thoát khỏi vòng vây hãm của kẻ thù (1873). Giáo khu

Phát Diệm từ một nhà tranh (1862), nhà thờ gỗ (1871) đến 1791 mới có thánh đường khang trang rộng rãi nguy nga. Công trình xây cất từ chuẩn bị đến khởi công và hoàn thành mất hơn 10 năm. Ngày nay, sau hơn 100 năm (1871-2022), công trình đồ sộ kia vẫn còn đứng vững với thời gian.

Nhà bác học Trương Vĩnh Ký (1837-1898) trong chuyến công du miền Bắc năm Ất Hợi (1876) sau khi thăm Hà Nội, nghe nói tới Cụ Sáu đã xuống ngay viếng thăm Phát Diệm, từ 8 đến 11. 2. 1877, ngoài chương trình. Ông Trương Vĩnh Ký đã ghi lại đầy đủ trong tập hồi ký “Voyage au Tongking en 1876 (Chuyến Đi Bắc Kỳ Năm Ất Hợi, 1876. Bản in nhà hàng C. Guillard et Martinon, 1881).

Về đón tiếp chuyên đi: Nội ngày ấy cho phải tình lên Ninh Bình trình tờ. Chiều tối bữa ấy có 3 cố Khánh (P. Ravier), cố Hiền (P.Thoro), cố Hiền (P. Roussin) tới họ đặng qua bữa thứ 2 có làm việc toàn xá trong xứ ấy.

Nhà xứ: Cụ Sáu làm cụ xứ, có các cụ khác giúp người nữa là Cụ Ngân, Cụ Bản, Cụ Tính, cũng đến có gặp mặt đó cả.

Về công trình xây cất của Cụ Sáu như sau : Sáng ra Cụ Sáu cho mời đi xem lễ, rồi ra xem cảnh nhà thờ Trái Tim. Nhà thờ Đức Bà nhỏ mà tốt, bàn thờ, giảng ngự, bàn dạm, hết thảy đều làm bằng đá Thanh chạm cả. Trước cửa có xây non bộ đất lớn có hồ có cầu đi qua.

Còn nhà thờ lớn ngoài thì có ngũ môn lâu, trong bàn thờ cũng làm bằng đá Thanh, làm kiểu cách, khéo, dễ coi lắm.

Tiếp theo, ông ghi 2 bài thơ về nhà thờ lớn và nhà thờ Trái Tim:

Trần Thiết (nhà thờ Phát Diệm)

Sực xem thấy nhà thờ Phát Diệm

Thật nguy nga cung điện hẳn hoi

Độc kinh rồi đứng đó mà coi

Hồ sơn thủy lâu đài như tạc

Sách có chữ rằng: Thị chu lưu bàn bạc

Bất di Tân nhi bất dĩ Hán

Nhờ đội ơn trên ra sức phù trì

*Cho người thế biết đường giữ đạo
Sách có chữ: Hữu có cùng vi văn giáo
Thị thánh hiền vị vạn thế sanh dân
Chữ rằng: đức dữ nhật dân.*

Nhà thờ Trái Tim

*Tâm giả nhân tri bàn đã
Gốc đã tươi hoa quả cũng tươi
Có luân thường đạo lý mới ra người
Nên phải cấy trái tim cho chắc chắn
Thơ rằng: bỉ thời tuy nhân văn
Quân tử bất ưu bản
Chữ rằng: phụ hào tâm nhân
Vậy phải giữ chữ tâm cho vững
Nhờ Chúa cả hộ cho mạnh khỏe
Nọ mới hay bỉ cực thời lai
Hữu nhân hữu thổ hữu tài...
Thấy phong cảnh Phát Diệm thật nên ghê
Nhân ngồi chơi tay tà bút đề
Vịnh phong cảnh vài câu quốc ngữ :*

Thơ rằng:

*Từ thời giai hưng dữ
Vạn vận tình quan nhi
Trên cửa lầu chuông trong uy nghi
Trước hồ thây hoa sen đỏ chói
Đường thập đạo đá xây bền lồi
Cửa ngũ môn xuá nhập đạo cùng môn
Từ thời phong cảnh tứ thời xuân...*

Con người Cụ Sáu, ông nhận xét: *Cụ Sáu chính tên người là Trần Triêm, người đắc lực với triều đình, người tài trí, thông minh, lanh lợi, việc ăn ở xử trí theo phân đời lắm, mưu mô gan dạ cũng hung. Dân sự phục tình, quan quyền cũng yêu thương trọng đãi. Nhờ Cụ mưu mô trí biến mà xử trí yên với Văn Thân lúc khốn khó giao hòa mà trả tình lại. Nói qua vậy cho biết Người là danh anh đất Bắc, là chỗ nhờ cậy nhà chung địa phận Nam. (ttr 23-25)*

Dân chúng sống làm ăn yên lành. Nhưng tính mạng cha Sáu vẫn luôn bị đe dọa. Ngay tại Phát Diệm quân Cờ Đen, Tàu Ô, đã nhiều lần rập mưu ám sát cha. Nhờ linh ứng phù hộ, cha thoát khỏi trong yên bình, tiếp tục sứ vụ tới cùng. Phải chăng con người con Thiên Chúa muốn dùng, khó ai ám hại được. Con người thánh thiện, quảng đại cho tới giây phút cuối cuối người vẫn phấn đấu và hy sinh, ngày 7.7.1899. Trong đời, Cha Trần Lục luôn gặp thánh giá như thử thách, xứng đáng lãnh nhận hào quang sáng chói hơn cảnh vạn tuế. Quả thật, suốt đời cha là cuộc đổ máu, từ tuổi thơ, đi tu, 5 năm tù ở Lạng Sơn (1858-1862), đến 39 năm linh mục (1860-1899). Không phút nào ngài không sẵn sàng xả thân cho Nước Chúa và các linh hồn. Những giọt máu, những hy sinh gian khổ ngài chịu đựng không hư mất hay đi vào quên lãng. Thiên Chúa đã trả công xứng đáng cho cha trên Nước Trời và con cháu ngày nay không ngớt lời cảm mến vì sự nghiệp ngài để lại. Tất cả, cùng nhau hát lời cảm tạ:

*Những kẻ gieo trong nước mắt
Sẽ gặt trong hân hoan
Khi đi, họ vừa đi vừa khóc, quảy đầy lúa gieo
Khi về, họ về với tiếng reo vui, quảy những lượm lúa
vàng (Tv 126, 5-6)*

Kết luận bằng bài thơ “Cụ Sáu Trần Lục” của Lm Cung Chi Đình Đồng Thượng Sách. Linh mục Trần Lục là mục tử, văn thơ lại đa tài, đáng kính phục.

I

Trần Lục nổi danh “Cụ Sáu” nhà
Tuy là Linh mục, một vì cha
Khâm sai..., Lễ bộ..., hàng Nam tước (1)
Mục tử, tù nhân..., hàng thi gia (2)
Vì Chúa hết lòng lo Đạo Chúa
Vì đời ra sức giúp người ta
Thánh đường Phát Diệm khu quần thể
Ai cũng phục tài : kiến trúc gia.

II

Tác giả đề đời “Hiếu Tự Ca”

Chữ đường giáo dục con em nhà
“Lễ Thường Nữ Tắc” sao cho phải
“Nịch Ái Vong Ân” liệu thuận hòa
“Lưu Thủy”, “Than mô”, “Từ cải canh”
“Ca ngâm”, “Kinh Sử”, “Vãn dăng hoa”... (3)
Công trình văn hóa, phần đời đạo
Cụ Sáu Trần Triêm : bậc đại gia. (4)

- (1) Chức vụ triều đình ban cho Cụ Sáu
- (2) Cụ bị bắt bị lưu đày ở Lạng Sơn (1858) vì “có Đạo”
- (3) “Nịch Ái Vong Ân”, “Lưu Thủy”, “Than mô”, “Tứ Đại Canh”, “Ca ngâm”, “Kinh Sử”, “Vãn dăng hoa...” Các văn phẩm của Cụ Sáu
- (4) Trần Triêm (trước là Trần Hữu) tên thật Cụ Sáu.

Giáo Xứ Việt Nam
15 rue Boissonade Paris 14e
Dịp nói chuyện về Cụ Sáu (1996)

Tài Liệu Tham Khảo

- AL MARCOU. Compe-Rendu de L'exercice 1915-1916, Thiện Bản Ninh Bình, 1916.
- MEP. Les Documents de année 1901-1960 (Phat Diêm, 1920-1932, p 34-52)
- P.J. B. TRƯỜNG VĨNH KÝ, Voyage au Tongking en 1876, Saigon, 1881.
- Mgr OLICHON. Bloud & Gay, Paris, 4e, 1955
Le Père Six, Curé de Phat Diem, Vice-roi en Annam
- J. PUIS. Journal de Voyage et d'Expédition. Paris 1879
- HOÀNG XUÂN VIỆT. Thắng Cảnh Phát Diệm. Saigòn. 1991
- HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM. Giáo Sỹ Trần Lục. Ns Dân Chúa Âu Châu. Số 65, 11/1989, ttr. 28-29
- CUNG CHI, SSS. Họ Là Ai, Paris, 2013